

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG (General information):

- | | |
|---|---|
| - Tên học phần (<i>tiếng Việt</i>) | Luật Kinh tế |
| - Tên học phần (<i>tiếng Anh</i>) | Economic Law |
| - Mã học phần | : BA1001 |
| - Trình độ | : Cử nhân |
| - Loại học phần | ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn |
| - Thuộc thành phần | ☐ Kiến thức giáo dục đại cương
☐ Kiến thức cơ sở khối ngành
☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức ngành / chuyên ngành
☐ Kiến thức cuối khoá |
| - Khoa, Bộ môn phụ trách | : Bộ môn Marketing, Khoa Kinh tế - Quản trị |
| - Số tín chỉ
(<i>Lý thuyết, thực hành, Tự học</i>) | : 2 (2,0) |
| - Phân bổ thời gian | - Lên lớp (lý thuyết): 30 giờ
- Làm việc nhóm, thực hành, thảo luận: 35 giờ
- Tự học, tự nghiên cứu: 35 giờ |
| - Học phần tiên quyết | : không |
| - Học phần học trước | : Không |
| - Học phần song hành | : Không |

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (Course description)

Nội dung của học phần gồm những vấn đề chung về kinh doanh và pháp luật điều chỉnh các hình thức tổ chức kinh doanh ở Việt Nam, về những vấn đề pháp lý cơ bản của các chủ thể kinh doanh, các đặc trưng pháp lý trong mô hình tổ chức, hoạt động của từng chủ thể kinh doanh. Phần hồ sơ pháp lý, quyền, nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh cũng như các vấn đề về giải thể, phá sản trong hoạt động kinh doanh cũng được đề cập trong học phần này. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến các vấn đề về hợp đồng trong kinh doanh.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có:

Ký hiệu (Ox)	Mục tiêu học phần
Kiến thức	
O1	Biết và hiểu được những vấn đề về chủ thể kinh doanh, các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và đầu tư. Phân biệt các loại hình hoạt động của chủ thể kinh doanh, nghiên cứu hồ sơ pháp lý quyền, nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh cũng như các vấn đề về giải thể, phá sản trong hoạt động kinh doanh để lựa chọn mô hình kinh doanh phù hợp.
Kỹ năng	
O2	Áp dụng được nội dung các quy định pháp luật trong lĩnh vực pháp luật vào tình huống kinh doanh phổ biến.
O3	Tra cứu cập nhật được các quy định pháp luật về kinh tế.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
O4	Có ý thức pháp luật, ứng xử có trách nhiệm đối với nhà nước và xã hội

4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (Course learning outcomes - CLOs)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên cần đạt được các yêu cầu tối thiểu sau:

Ox	CLOx	PLOx
Kiến thức		
O1	CLO1. Trình bày được các vấn đề cơ bản về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng và đầu tư kinh doanh. CLO2. Phân biệt các mô hình hoạt động của chủ thể kinh doanh. CLO3. Hệ thống hóa được kiến thức nền tảng về Luật doanh nghiệp.	PLO1, PLO2
Kỹ năng		
O2	CLO4. Giải thích, bình luận được các quy định của lĩnh vực kinh doanh, tài chính ngân hàng.	PLO3, PLO8
O3	CLO5. Thu thập tài liệu, xử lý thông tin và đánh giá một số tình huống pháp lý phổ biến.	PLO5
Mức tự chủ và trách nhiệm		
O4	CLO6. Hình thành lối sống có trách nhiệm trong việc thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội. Có ý thức sống và làm việc theo hiến pháp, pháp luật. Biết phê phán những hành vi vi phạm pháp luật.	PLO10

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN (Contents of course)

5.1. Lý thuyết:

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG G
		Lý thuyết	Thảo luận nhóm	Tự học	Khác (nếu có)	
Bài 1	Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LUẬT KINH TẾ 1.1 Một số vấn đề cơ bản về luật kinh tế 1.2 Khái niệm chủ thể kinh doanh 1.3 Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp 1.4 Phân loại doanh nghiệp 1.5 Thành lập doanh nghiệp 1.6 Góp vốn vào doanh nghiệp 1.7. Ngành nghề đầu tư, kinh doanh.	3	3	3		
Bài 2	CHƯƠNG 2: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VÀ HỘ KINH DOANH 2.1 Doanh nghiệp tư nhân 2.2 Hộ kinh doanh	3	3	3		
Bài 3	CHƯƠNG 3: CÔNG TY HỢP DANH 3.1 Những vấn đề chung về công ty hợp danh 3.2 Quy chế thành viên công ty hợp danh 3.3 Quy chế tài chính công ty hợp danh	3	3	3		
Bài 4	CHƯƠNG 4: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN 4.1 Tổng quan về công ty trách nhiệm hữu hạn 4.2 Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 4.3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Doanh nghiệp nhà nước	3	3	3		
Bài 5	CHƯƠNG 5: CÔNG TY CỔ PHẦN 5.1 Khái niệm và đặc điểm 5.2 Cổ phần, cổ phiếu, cổ đông 5.3 Cơ cấu tổ chức, quản lý và điều hành công ty cổ phần	3	3	3		
Bài 6	CHƯƠNG 6: PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG TRONG KINH DOANH THƯƠNG MẠI	3	3	3		

		Số giờ				
Số TT	6.1. Khái quát về Hợp đồng trong kinh doanh thương mại (Tên bài giảng) 6.2. Một số loại hợp đồng kinh doanh thương mại					TỔNG
Bài 7	CHƯƠNG 7: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ KINH DOANH TẠI VIỆT NAM	3	3	3		
Bài 8	CHƯƠNG 8: TỔ CHỨC LẠI VÀ GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP 8.1 Tổ chức lại doanh nghiệp 8.2 Giải thể doanh nghiệp	3	3	3		
Bài 9	Thuyết trình nhóm, ôn tập	6	11	11		
TỔNG		30	35	35		100

5.2. Thực hành: (không)

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC (Teaching – Learning methods):

6.1. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: thuyết giảng, bài tập, bài tập theo nhóm
- Thực hành: (không)

6.2. Phương pháp học:

- Lý thuyết: nghe giảng, nghiên cứu tài liệu, tổng hợp tài liệu, làm bài tập về nhà, làm bài tập theo nhóm
- Thực hành: (không)

7. TÀI LIỆU DẠY - HỌC, THAM KHẢO (Learning materials)

7.1. Tài liệu dạy học:

[1] TS Lê Văn Hưng (2012). *Giáo trình Luật kinh tế*. NXB Kinh tế TPHCM

7.2. Tài liệu tự học và tham khảo:

[1] Luật doanh nghiệp 2020

[2] Luật đầu tư 2020

[3] Bộ luật dân sự 2015

[4] Trường Đại học Lao động – Xã hội, Bài giảng Luật kinh tế, Hà Nội, 2022

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

[1] laptop

[2] máy chiếu

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (*Testing and assessment methods*)

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
Đạt (các học phần chỉ yêu cầu đánh giá “Đạt” và không tính điểm trung bình học tập)	Từ 5,0 trở lên	P	
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Thảo luận tình huống	Chấm bài tập tình huống theo nhóm	Rubric 2	100%

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Điểm danh, ý thức học tập	Rubric 1	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Trắc nghiệm	Rubric 4	30%
		Bài tập/ câu hỏi ngắn tại lớp	Rubric 3	
		Thuyết trình nhóm	Rubric 5	
Kết thúc học phần	Thi	Trắc nghiệm	Rubric 6	60%

9. MA TRẬN (*Matrix*):

- ❖ Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: (nên có ma trận này)

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO1		H										
CLO2			S									
CLO3			S									
CLO4				S								
CLO5					S							
CLO6									H			

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra

Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra

Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra

Highly supported

Đề trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

10. RUBRIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ (*Scoring guide/Rubric*):

Rubric 1: Điểm danh, đánh giá điểm chuyên cần

Số giờ vắng	Số giờ HP	Mức điểm Thang điểm 10	Ghi chú
0%		10	
> 0% - 10%		9	Có phép/ Không có phép
> 10% - 20%		7	Có phép/ Không có phép
....			
> 25%		0	Không được dự thi kiểm tra học phần

Rubric 2. Đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (100%)	Khá (75%)	Trung bình (50%)	Kém (0%)
Thái độ tham gia	20	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia thảo luận

Kỹ năng thảo luận	40	Phân tích đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Rubric 3. Đánh giá hoạt động trên lớp

Quá trình	8-10đ	6-7.5đ	4 – 5.5đ	0-3.5đ
Hoạt động trên lớp (Hỏi bài cũ, bài mới và làm bài tập tại lớp)	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 3 lần trở lên	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 2 lần	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 1 lần	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 0 lần

Rubric 4. Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm trên lớp/ trắc nghiệm cuối khóa

Kiểm tra trên lớp	Giỏi (8-10đ)	Khá (6-7đ)	TB (5đ)	Yếu (3-4đ)	Kém (0-3đ)
Bài kiểm tra trắc nghiệm 30 phút	Trả lời đúng đáp án 80 đến 100%	Trả lời đúng đáp án 60 đến 70%	Trả lời đúng đáp án 50%	Trả lời đúng đáp án 30 đến 40%	Trả lời đúng đáp án 0 đến 30%

Rubric 5. Đánh giá thuyết trình theo nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (100%)	Khá (75%)	Trung bình (50%)	Kém (0%)
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý

	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lô cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lô cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn toàn đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

Rubric 6. Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm cuối khóa

Kiểm tra trên lớp	Giỏi (8-10đ)	Khá (6-7đ)	TB (5đ)	Yếu (3-4đ)	Kém (0-3đ)
Bài kiểm tra trắc nghiệm 50 phút (50 câu phân bố nội dung đều)	Trả lời đúng đáp án 80 đến 100%	Trả lời đúng đáp án 60 đến 70%	Trả lời đúng đáp án 50%	Trả lời đúng đáp án 30 đến 40%	Trả lời đúng đáp án 0 đến 30%

<i>trong các chương)</i>					
------------------------------	--	--	--	--	--

11. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG (*Student support*)

- Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học.
- Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ của giáo viên giảng dạy. hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào ngày thứ hai hàng tuần tại Văn phòng khoa Kinh tế Quản trị.

TP. HCM, ngày 08 tháng 06 năm 2022

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)